

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 2
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 98/2026/DS-ST.

Ngày: 26-02-2026.

V/v “Tranh chấp hợp đồng
mua bán tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 – ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Xuân.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bành Quốc Trung.

Ông Phan Thanh Phương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Hồng Tâm, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực
2 – Đồng Tháp.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Đồng Tháp tham gia phiên
tòa:** Ông Đoàn Khắc Huy, Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 – Đồng
Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 458/2025/TLST-DS ngày
15 tháng 10 năm 2025 về “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” theo Quyết định
đưa vụ án ra xét xử số: 125/2026/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 01 năm 2026 và
Quyết định hoãn phiên tòa số: 136/2026/QĐST-DS ngày 06 tháng 02 năm 2026,
giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Võ Hồng P, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Số C N, phường T, tỉnh Đồng Tháp.

Đại diện theo ủy quyền: Nguyễn Văn H, sinh năm 1975.

Địa chỉ: Khu phố E, phường Đ, tỉnh Khánh Hòa.

Địa chỉ liên hệ: Số E QL50, khu phố B, phường Đ, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn: Nguyễn Hồng X, sinh năm 1975.

Địa chỉ: Ấp G, xã G, tỉnh Đồng Tháp.

(Ông H xin vắng mặt;

Bà X vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Tại đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng tại Tòa án, đại diện theo ủy quyền
của nguyên đơn ông Võ Hồng P là ông Nguyễn Văn H trình bày:*

Ông P là đại diện theo pháp luật của Công ty trách nhiệm hữu hạn T.

Năm 2021, bà Nguyễn Hồng X có mua của ông Võ Hồng P các đơn hàng nhớt chạy máy ghe tàu và đã chốt công nợ ngày 30/6/2021 với số tiền 68.050.000 đồng.

Trong quá trình giải quyết nợ bà X có nhờ con trai tên Đ trả dần cho ông P được 12.000.000 đồng, số tiền còn lại tính đến ngày 30/12/2022 là 56.050.000 đồng. Ông P đã nhiều lần liên hệ với bà X yêu cầu trả số tiền nợ trên nhưng bà X cứ hứa hẹn mà không trả.

Nay ông P yêu cầu bà X trả số tiền vốn là 56.050.000 đồng và yêu cầu tính lãi suất 1,66% từ ngày 01/01/2023 cho đến ngày Tòa án xét xử vụ án, tạm tính đến tháng 12/2025 với số tiền 32.565.000 đồng.

Bị đơn bà Nguyễn Hồng X mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Về nội dung giải quyết vụ án Đại diện Viện kiểm sát đề nghị:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Võ Hồng P.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn ông Võ Hồng P khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Hồng X trả tiền mua bán nên Hội đồng xét xử xác định đây là “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại xã G, tỉnh Đồng Tháp nên thuộc thẩm quyền xét xử của Tòa án nhân dân khu vực 2 – Đồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét sự vắng mặt của đương sự tại phiên tòa:

Xét đại diện ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Văn H có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn bà Nguyễn Hồng X đã được triệu tập xét xử đến lần thứ hai vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông H và bà X.

[3] Đối với yêu cầu khởi kiện của ông Võ Hồng P, Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.1] Căn cứ vào biên bản xác nhận công nợ khách hàng ngày 30/6/2021 bà X đã ký tên xác nhận còn nợ lại Công ty trách nhiệm hữu hạn T do ông P đại diện

với số tiền 68.050.000 đồng, trong quá trình giải quyết nợ bà X có thanh toán cho ông P được số tiền 12.000.000 đồng, còn nợ lại số tiền 56.050.000 đồng không thanh toán từ tháng 12/2022 cho đến nay nên ông P khởi kiện. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình ông P đã cung cấp cho Tòa án biên bản xác nhận công nợ khách hàng ngày 30/6/2021. Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xin vắng mặt và vẫn giữ yêu cầu khởi kiện; phía bà X đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt và không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cho thấy bà X đã từ bỏ quyền yêu cầu của mình. Do đó, có cơ sở xác định bà X còn nợ ông P số tiền 56.050.000 đồng và chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông P.

[3.2] Về yêu cầu tính lãi: Ông P yêu cầu bà X trả lãi suất của số tiền 56.050.000 đồng từ ngày 01/01/2023 cho đến ngày Tòa án xét xử vụ kiện theo mức lãi suất 1,66% là có cơ sở, vì bà X vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên ông P yêu cầu lãi suất chậm trả phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự. Do vậy, lãi suất từ ngày 01/01/2023 đến ngày 26/02/2026 là 03 năm 01 tháng 26 ngày được tính là $56.050.000 \text{ đồng} \times 1,66\% / \text{tháng} \times 03 \text{ năm } 01 \text{ tháng } 26 \text{ ngày} = 35.232.274 \text{ đồng}$ nên buộc bà X phải trả cho ông P cả vốn và lãi là 91.282.274 đồng.

[3.3] Về thời gian trả tiền: Ông P yêu cầu bà X trả số tiền 91.282.274 đồng khi án có hiệu lực pháp luật, Hội đồng xét xử xét thấy bà X đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ và nợ tiền của ông P làm ảnh hưởng đến quyền lợi của ông P. Do đó, Hội đồng xét xử buộc bà X trả cho ông P số tiền 91.282.274 đồng khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của ông P được Tòa án chấp nhận nên bà X phải chịu án phí theo quy định.

[5] Xét ý kiến và đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là đúng quy định pháp luật tố tụng và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào 430, Điều 440, Điều 468 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Võ Hồng P.

Buộc bà Nguyễn Hồng X có nghĩa vụ trả cho ông Võ Hồng P số tiền vốn 56.050.000 đồng và tiền lãi suất 35.232.274 đồng, tổng cộng là 91.282.274 đồng (Chín mươi một triệu hai trăm tám mươi hai ngàn hai trăm bảy mươi bốn).

Kể từ ngày ông Võ Hồng P có đơn yêu cầu thi hành án nếu bà Nguyễn Hồng X không trả số tiền trên thì hàng tháng bà X phải trả lãi tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Hồng X phải chịu 4.564.113 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho ông Võ Hồng P số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.123.000 đồng theo biên lai thu số 0004765 ngày 15/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp.

3. Báo đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Báo đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành theo qui định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND khu vực 2;
- THADS tỉnh Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu án văn, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Võ Thị Xuân

